

Bản án số: 125 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2024

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thành Hiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Sơn Tây;
- Ông Tống Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1974; thường trú: Tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; thường trú: Tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tân Phước K, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2004 ngày 06/02/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thậm chí vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Trong quá trình chung sống, bà H hay ghen tuông vô cớ, các con không tôn trọng thường xuyên la lối ông M nên ông M cảm thấy không được tôn trọng và không muốn về nhà nên mới bỏ về nhà chị gái ở.

Ông M nhận thấy hạnh phúc giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Phạm Thị H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn N, sinh ngày 29/5/1995 và Phạm Văn N1, sinh ngày 23/8/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông M về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng sau đó đã hàn gắn được với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trầm trọng từ năm 2022, nguyên nhân là do ông M quen với người phụ nữ khác, mặc dù bà H đã khuyên can nhiều lần nhưng ông M vẫn qua lại với người phụ nữ này. Tuy nhiên, vợ chồng đã có tuổi, có con dâu và cháu nên, bà H vẫn còn yêu thương chồng nên không đồng ý ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn N, sinh ngày 29/5/1995 và Phạm Văn N1, sinh ngày 23/8/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M về việc được ly hôn với bà Phạm Thị H. Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Phạm Văn N, sinh ngày 29/5/1995 và Phạm Văn N1, sinh ngày 23/8/1997 hiện đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị H nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tân Phước K, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2004 ngày 06/02/2004 nên quan hệ hôn nhân của ông M và bà H là hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn kéo dài nhưng không có giải pháp để hàn gắn, hòa giải mâu thuẫn. Bà H xác định muốn đoàn tụ với ông M nhưng không có động thái, biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc ông M không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với bà H. Bà H trình bày trong quá trình chung sống ông M đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[3] Tại phiên tòa, ông M trình bày giữa ông với bà H thường xuyên cãi nhau; các con trong gia đình cũng không tôn trọng và thường xuyên chửi bới ông. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù sống cùng nhà nhưng không cùng ăn chung, ngủ chung với nhau.

[4] Biên bản xác minh ngày 20/11/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T xác nhận: Trong quá trình chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà H như thế nào thì đại diện Ủy ban nhân dân phường T không rõ vì không nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân của ông M và bà H. Ông M và bà H cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra, vì vậy không xác định được các ông bà có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng và cùng nhau xây dựng gia đình bền vững, ấm no, hạnh phúc. Ông M và bà H là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau; vợ chồng biết rõ mâu thuẫn đã xảy ra trong gia đình nhưng không ai có

biện pháp gì để hóa giải mà vẫn để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông M và bà H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Phạm Văn M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn N, sinh ngày 29/5/1995 và Phạm Văn N1, sinh ngày 23/8/1997, đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M về việc ly hôn với bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn M được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- Về con chung: 02 con chung tên Phạm Văn N, sinh ngày 29/5/1995 và Phạm Văn N1, sinh ngày 23/8/1997 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004486 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thành Hiệp**